

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 10 - 2018

V/v: “*Kiến ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Thắng
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mạnh và ông Đinh Công Thề
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cư Mgar
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Trần Quốc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “*Kiến ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 27/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc D; sinh năm 1996 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn HB, xã QH, huyện Cư M, tỉnh Đắk Lắk.
- Bị đơn: Anh Trần Văn T; sinh năm: 1991 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 102 thôn TT, xã QT, huyện Cư M, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D trình bày:

Tôi và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện Cư M, tỉnh Đắk Lắk và chung sống với nhau đến tháng 7 năm 2017. Trong thời gian chung sống với tôi và anh T thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình, con cái, không phụ cấp tiền học hành để lo cho con và có hành vi bạo lực gia đình. Trong thời gian ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay anh T có hành vi đánh đập tôi 3 lần mặc dù tôi

không làm điều gì sai. Vì vậy, Tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cư M xem xét giải quyết cho tôi ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 06/8/2015. Hiện nay cháu đang sống cùng với tôi nên tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng Trần Minh T cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Tôi không yêu cầu anh Trần Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T:

Tòa án nhân dân huyện Cư M đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại thôn trưởng thôn TT, xã QT, huyện Cư M thì chính quyền địa phương cung cấp thông tin: Anh T và chị D chung sống và đăng ký kết hôn từ năm 2015 và hiện có 01 con chung. Hiện nay anh Trần Văn T cư trú tại số nhà 102 thôn TT, xã QT, huyện Cư M, tỉnh Đắk Lắk. Về tình trạng hôn nhân anh T và chị D có mâu thuẫn và chị D có làm đơn tiến hành hòa giải ở cơ sở sau đó có về chung sống với nhau. Tuy nhiên, chị D tiếp tục làm đơn ly hôn. Hiện nay anh T và chị D không còn chung sống với nhau.

Theo biên bản làm việc với ông Trần C (là bố của anh T) trình bày:

Hiện nay anh T vẫn sống với gia đình tại địa chỉ: số 102 thôn TT, xã QT, huyện Cư M, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, anh T đi làm chỉ về nhà vào ban đêm. Còn việc mâu thuẫn vợ chồng thì tôi không biết và để tự cho anh T, chị D giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị Ngọc D yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T và có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng Trần Minh T, sinh ngày 06/8/2015 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Tôi không yêu cầu anh Trần Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án:

Đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc D; Tuyên bố chị Lê Thị Ngọc D được ly hôn với anh Trần Văn T. Giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 06/8/2015 cho chị Lê

Thị Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị Ngọc D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Chị Lê Thị Ngọc D yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Anh Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn TT, xã QT, huyện Cư M, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì chính quyền địa phương xác nhận anh Trần Văn T hiện nay vẫn đang còn sinh sống tại địa phương tại thôn TT, xã QT, huyện Cư M. Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã triệu tập lần thứ 2 nhưng anh Trần Văn T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung:

Chị Lê Thị Ngọc D và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2015, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa chị D và anh T thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng, đời sống chung không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh T, xét yêu cầu của chị D là phù hợp vì hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình xác minh tại địa phương thì chính quyền địa phương cũng cho biết hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương đã tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Như vậy có thể thấy, hôn nhân giữa chị D và anh T đã trầm trọng, việc chị D yêu cầu được ly hôn với anh T là chính đáng cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị Lê Thị Ngọc D và anh Trần Văn T có 01 con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 06/8/2015, hiện nay cháu Trần Minh T đang ở với chị D. Do đó, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Trần Minh T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

chung. Hội đồng xét xử xét thấy xét nguyện vọng của chị D là chính đáng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh nên giao cháu Trần Minh T cho chị Lê Thị Ngọc D để chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc D được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 06/8/2015 cho chị Lê Thị Ngọc D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Minh T đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí hôn nhân và gia đình:

Chị Lê Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị Lê Thị Ngọc D đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002052 ngày 26/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh DakLak;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã QT;
- Lưu Hsơ vụ án, lưu TA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

ĐẶNG NGỌC THẮNG